TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2018/DS-ST
Ngày 14-11-2018
V/v tranh chấp tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng;

Ông Huỳnh Hữu Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "tiền hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Q (tên gọi khác Sinh), sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp 9, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh N, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại biên bản hòa giải ngày 05/6/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Q trình bày:

Ông có tham gia hụi do bà N làm chủ loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 19/4/2015 và 15/7/2015 âm lịch. Sau mở hụi khoảng 20 ngày thì bà N giao cho ông danh sách hụi. Trong hai danh sách hụi, đều thể hiện có ông tham gia tên Sinh, là tên gọi khác của ông. Hàng tháng ông đóng tiền hụi cho bà N, tính đến tháng 11 năm 2016 âm lịch, dây hụi mở ngày 19/4 ông đã đóng hụi được 20 lần, dây hụi ngày 15/7 đóng được 18 lần, đóng lần cuối là tháng 11 năm 2016 âm lịch.

Bà N ngưng hụi từ tháng 12/2016 âm lịch không thu hụi tiếp. Sau đó, giữa ông và bà N không tính toán số tiền hụi còn lại với nhau, bà N đã trả nhiều lần được 9.300.000 đồng. Tính đến thời điểm ngừng hụi (tháng 12/2016 âm lịch), bà N còn thiếu tiền hụi của ông dây hụi ngày 19/4 là 40.000.000 đồng, dây hụi ngày 15/7 là 36.000.000 đồng, tổng cộng là 76.000.000 đồng trừ số tiền bà N đã trả 9.300.000 đồng, còn lại 66.700.000 đồng, ông yêu cầu bà N trả số tiền này.

Tại phiên hòa giải ngày 05 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh N trình bày:

Bà làm chủ hụi nhưng do tay em đã hốt không đóng hụi lại cho bà nên bà đã đình hụi. Ông Q có tham gia hụi của bà nhưng chỉ tham gia 01 dây hụi ngày 15/7/2015 âm lịch 1 chân, dây hụi ngày 19/4/2015 âm lịch ông Q không tham gia, các dây hụi này đều là loại hụi 2.000.000 đồng.

Đối với dây hụi ngày 15/7 ông Q đóng được 17 lần, số tiền đóng hụi của ông Q là 19.070.000 đồng, còn hai lần ông Q không đóng, đến tháng 01 năm 2017 âm lịch thì bà đình hụi. Bà đã trả cho ông Q được tổng cộng 9.500.000 đồng (trong đó tiền của Kiệt đưa là 6.000.000 đồng, đưa tiền cho vợ ông Q 2.000.000 đồng, con ông Q tổng cộng là 1.500.000 đồng).

Tại phiên tòa, bà thống nhất theo lời trình bày của ông Q về số tiền bà đã trả cho ông Q bằng 9.300.000 đồng. Do bà đã trả được 9.300.000 đồng nên bà yêu cầu được trả lại tiền hụi ông Q đã đóng trừ đi số tiền bà đã trả ông Q là 19.070.000 đồng – 9.300.000 đồng, bà chỉ còn phải trả cho ông Q 9.770.000 đồng.

Đối với dây hụi ngày 19/4, ban đầu bà có kêu ông Q tham gia, sau đó bà chàng hụi (đóng hụi dùm) cho ông Q lần đầu nhưng sau đó ông Q không tham gia nên bà đã để bà Hồ Kiều D tham gia thay thế ông Q nhưng không sửa danh sách hụi, ông Q chưa đóng hụi trong dây này lần nào. Đối với phần dây hụi này ông Q yêu cầu bà trả tiền bà không đồng ý.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành ghi lời khai của những hụi viên trong dây hụi ngày 19/4/2015 âm lịch gồm bà Tăng Lệ Tiên, Nguyễn Thị Hương, Huỳnh Thị Tho, bà Nguyễn Thị Thu xác định quá trình tham gia hụi ngày 19 tháng 4 năm 2015 tuy để tên ông Sinh nhưng sau đó bà N đã thông báo là ông Sinh không tham gia và đã chuyển cho bà Hồ Kiều D tham gia thay thế. Lời khai của bà Lê Thu Chọn, Võ Thị Thu Nghiêm, Nguyễn Thị Thẩm xác định có tham gia hụi ngày 19/4/2015 âm lịch, trong danh sách hụi có ghi tên Sinh nhưng không biết ông Sinh có tham gia hay không. Tòa án tiến hành làm việc với bà Hồ Kiều Diễm nhưng bà Diễm đi làm ở nơi khác, không có ở địa phương nên không làm việc được.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Căn cứ vào Điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, căn cứ vào Điều 21, 262 Bộ luật tố tụng dân sự về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự có mặt tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm

phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử 01 tháng 15 ngày nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đối với dây hụi ngày 15/7/2015 âm lịch, bà N ông Q thừa nhận việc tham gia hụi. Tính đến thời điểm ngừng hụi thì xác định ông Q đã đóng được 18 lần là có căn cứ. Việc đình hụi là lỗi của bà N là chủ hụi, không phải do ông Q nên bà N phải có trách nhiệm trả tiền hụi theo yêu cầu của ông Q, đối với hụi viên không đóng hụi lại thì bà N có quyền khởi kiện để đòi tiền hụi. Các bên thống nhất được số tiền đã trả nên số tiền hụi bà N phải trả cho ông Q được tính theo hụi chết của 18 lần trừ đi số tiền hụi đã trả được 9.300.000 đồng, số tiền còn lại phải trả tiếp là 26.700.000 đồng.

Đối với dây hụi mở ngày 19/4/2015 âm lịch bà N không thừa nhận ông Q có tham gia, ông Q không chứng minh được việc mình đã đóng tiền hụi cho bà N nên yêu cầu của ông Q không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hồng Q yêu cầu bà Huỳnh N trả tiền hụi, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hụi và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Hồng Q yêu cầu bà Huỳnh N trả cho ông số tiền hụi bà N còn nợ ông trong các dây hụi ngày 19/4/2015 âl và ngày 15/7/2015âl với tổng số tiền là 66.700.000 đồng. Các đương sự đều xác định hụi này bị đình tháng 01/2017 âm lịch

Đối với dây hụi ngày 15/7/2018 âm lịch, bà N xác định ông Q đóng được 17 kỳ tính đến tháng 11/2016, ông Q cũng xác định lần đóng hụi cuối cùng là tháng 11 năm 2016 nên bà N xác định ông Q đã đóng được 17 kỳ là đúng, dây hụi này bị đình không tiếp tục. Sau khi đình hụi giữa bà N và ông Q không có đối chiếu, tính toán với nhau số tiền phải trả lại, do đó ông Q yêu cầu trả tiền hụi chỉ xem xét buộc bà N trả lại số tiền hụi của ông Q đã đóng và tính lãi theo quy định của Bộ luật dân sự, vì đây là hụi có lãi. Mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định là 1,67%/tháng (không quá 20%/ năm). Số tiền hụi đã đóng ông Q không nhớ nên xác định theo lời thừa nhận của bà N, số tiền hụi ông Q đã đóng trong 17 kỳ được bà N xác đin là 19.070.000 đồng (theo bản kê của bà N), đối trừ số tiền bà N đã trả cho ông Q là 9.300.000 đồng, như vậy tính đến thời điểm tháng 01 năm 2017 âm lịch, sau khi đình hụi, bà N phải trả cho ông Q số tiền hụi còn lại là 9.770.000 đồng. Lãi từ tháng đình hụi (Tháng 01 năm 2017 âm lịch là tháng 2 năm 2017 dương lịch) đến thời điểm xét xử là 22 tháng số lãi phải chịu là 9.770.000 đồng x 1.167% x 22 tháng = 3.589.000 đồng (làm tròn).

Như vậy, tổng cộng buộc bà N phải trả cho ông Q số tiền hụi trong dây hụi này là 9.770.000 đồng và tiền lãi là 3.589.000 đồng. Tổng cộng 13.359.000 đồng.

Đối với dây hụi ngày 19/4/2015 âm lịch, trong danh sách hụi có tên của ông Q nhưng bà N không thừa nhận ông Q có tham gia và đóng hụi, ông Q cho rằng ông có tham gia hụi này nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc đóng hụi nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi tiền hụi của ông Q với số tiền là 40.000.000 đồng.

Như vậy, đối với yêu cầu của ông Q về trả tiền hụi số tiền 66.700.000 đồng được chấp nhận một phần với số tiền là 13.359.000 đồng, không chấp nhận 53.341.000 đồng.

Kể từ ngày ông Q thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì bà N còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: bà Huỳnh N phải chịu án phí là 13.359.000 đồng x 5% = 667.980 đồng. Ông Q phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 53.341.000 đồng x 5% = 2.667.050 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Hồng Q về việc đòi tiền hụi đối với bà Huỳnh N.

Buộc bà Huỳnh N trả cho ông Nguyễn Hồng Q số tiền hụi còn thiếu là 13.359.000 (Mười ba triệu, ba trăm năm mươi chín ngàn) đồng.

Kể từ ngày ông Q thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì bà N còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu đòi tiền hụi của ông Nguyễn Hồng Q đối với bà Huỳnh N số tiền 53.341.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hồng Q phải chịu đối với yêu cầu không được chấp nhận là 2.667.050 đồng. Đối trừ tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp số tiền 1.400.000 đồng theo biên lai thu số 0011948 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, chuyển thu án phí. Ông Q phải nộp tiếp án phí số tiền 1.267.050 (Một triệu, hai trăm sáu mươi bày ngàn, không trăm năm mươi) đồng.

Bà Huỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 667.980 (Sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, chín trăm tám mươi) đồng (chưa nộp).

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp:
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Lưu VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Việt Hằng